**VẬT LÝ**

**CHƯƠNG II: ĐIỆN TỪ HỌC**

 **Bài 21. NAM CHÂM VĨNH CỬU**

 **---** 🙝 🕮 🙜 **---**

**A. Lý thuyết.**

**I. Từ tính của nam châm:**

Nam châm có hai cực:

+ Cực Bắc: Ghi chữ N (North) sơn màu đậm.

+ Cực Nam: ghi chữ S (South) sơn màu nhạt.

**II. Tìm hiểu sự tương tác giữa 2 nam châm:**

Khi đưa từ cực của hai nam châm lại gần nhau thì chúng hút nhau nếu các cực khác tên, đẩy nhau nếu các cực cùng tên.

**B. Bài tập.**

**21.6** Trên thanh nam châm, chỗ nào hút sắt mạnh nhất?

A. Phần giữa của thanh.          B. Chỉ có từ cực Bắc.

C. Cả hai từ cực.                    D. Mọi chỗ đều hút sắt mạnh như nhau.

**21.7** Khi nào hai thanh nam châm hút nhau?

A. Khi hai cực Bắc để gần nhau.

B. Khi hai cực Nam để gần nhau.

C. Khi để hai cực khác tên gần nhau.

D. Khi cọ xát hai cực cùng tên vào nhau.

**21.8** Vì sao có thể nói rằng Trái Đất giống như một thanh nam châm khổng lồ?

A. Vì Trái Đất hút tất cả các vật về phía nó.

B. Vì Trái Đất hút các vật bằng sắt về phía nó.

C. Vì Trái Đất hút các thanh nam châm về phía nó.

D. Vì mỗi cực của thanh nam châm để tự do luôn hướng về một cực của Trái Đất.

**21.9 Khi một thanh nam châm thẳng bị gãy thành hai nửa. Nhận định nào dưới đây là đúng?**

A. Mỗi nửa tạo thành nam châm mới chỉ có một từ cực ở một đầu.

B. Hai nữa đều mất hết từ tính.

C. Mỗi nửa thành một nam châm mới có hai cực cùng tên ở hai đầu.

D. Mỗi nửa thành một nam châm mới có hai cực từ khác tên ở hai đầu.

**21.10** Có hai thanh kim loại A, B bề ngoài giống hệt nhau, trong đó một thanh là nam châm. Làm thế nào để xác định được thanh nào là nam châm?

A. Đưa thanh A lại gần thanh B, nếu A hút B thì A là nam châm.

B. Đưa thanh A lại gần thanh B, nếu A đẩy B thì A là nam châm.

C. Dùng một sợi chỉ mêm buộc vào giữa thanh kim loại rồi treo lên, nếu khi cân bằng thanh đó luôn nằm theo hướng Bắc-Nam thì đó là thanh nam châm.

D. Đưa thanh kim loại lên cao rồi thả cho rơi, nếu thanh đó luôn rơi lệch về một cực của Trái Đất thì đó là nam châm.

**21.11** Một nam châm vĩnh cửu có đặc tính nào dưới đây?

A. Khi bị cọ xát thì hút các vật nhẹ.

B. Khi bị nung nóng lên thì có thể hút các vụn sắt.

C. Có thể hút các vật bằng sắt.

D. Một đầu có thể hút, còn đầu kia thì đẩy các vụn sắt.

**CÔNG NGHỆ**

**BÀI 6. THỰC HÀNH: LẮP MẠCH ĐIỆN BẢNG ĐIỆN (TIẾP THEO)**

**I. Dụng cụ, vật liệu và thiết bị**

**II. Nội dung và trình tự thực hành.**

**2.Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện.**

**b. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện.**

Bước 1. Vẽ đường dây nguồn.



Bước 2. - Xác định vị trí để bảng điện, bóng đèn



Bước 3. Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện.



Bước 4. Vẽ đường dây dẫn điện theo sơ đồ nguyên lý.



**TOÁN**

**ĐẠI SỐ**

**§4. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VÀ ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU**

**1. Đường thẳng song song.**

\* **Kết luận**:

Hai đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0) và y = a’x + b’(a’ ≠ 0)

+ Song song với nhau a = a’; b ≠ b’

+ Trùng nhau a = a’; b = b’

**2. Đường thẳng cắt nhau.**

?2 Hai đường thẳng y = 1,5x + 2 và

 y = 0,5x – 1 cắt nhau

\* **Kết luận**:

Hai đường thẳng cắt nhau a ≠ a’

\* **Chú ý**: Khi a ≠ a’ và b = b’ thì hai đường thẳng cắt nhau tại một điểm trên trục tung có tung độ là b

BÀI TẬP: 20,21,22 SGK TRANG 54

**HÌNH HỌC**

**§5. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT TIẾP TUYẾN CỦA ĐƯỜNG TRÒN**

**1. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.**

**Định lí:** (Sgk.tr110)



 GT Ca, C(O); a OC

 KL a là tiếp tuyến của (O)

Chứng minh :

Ta có OC  a, vậy OC là khoảng cách từ tâm O đến đường thẳng a, do đó OC = d. Có O  (O;R)  OC = R. Vậy d = R. Suy ra đường thẳng a là tiếp tuyến của đường tròn (O)



?1

Vì BC AH tại H, AH là bán kính của đường tròn nên BC là tiếp tuyến của đường tròn.

**2. Áp dụng.**

**Bài toán:** (sgk.tr111)

**Cách dựng :** Dựng M là trung điểm của AO

Dựng ( M; MO ) cắt (O) tại B và C

Kẻ AB ; AC ta được các tiếp tuyến cần dựng

**Chứng minh:**

AOB có trung tuyến BM

Và BM = AO nên =900

=> AB OB tại B => AB là tiếp tuyến của (O)

\* Chứng minh tương tự ta có AC là tiếp tuyến của (O)

BÀI TẬP: BÀI 24,25 SGK TRANG 111, 112

**SINH**

**Bài 21: ĐỘT BIẾN GEN**

I.Đột biến gen là gì?

- Đột biến gen là những biến đổi trong cấu trúc của gen l.quan tới 1 hoặc 1 số căp nuclêotit.

 - Đột biến gen bao gồm các dạng sau:

+ Mất cặp nucleotit.

+ Thêm cặp nucleotit.

+ Thay thế cặp nucleotit

II.Nguyên nhân phát sinh đột biến gen

- Tự nhiên: Do rối loạn quá trình tự sao chép của ADN dưới ảnh hưởng của môi trường trong và ngoài cơ thể.

- Nhân tạo: Do con người sử dụng các tác nhân vật lý, hoá học gây đột biến.

III. Vai trò của đột biến gen (10p).

- Đột biến gen dẫn đến biến đổi cấu trúc protein, gây nên biến đổi ở kiểu hình

- Đột biến gen làm phá vỡ cấu trúc hài hòa trong kiểu gen đã được chọn lọc lâu đời nên thường biểu hiện ra kiểu hình có hại.

- Tuy nhiên cũng có những đột biến có lợi cho bản thân sinh vật.

- Vai trò: Đột biến gen có lợi cho con người -> được ứng dụng trong chăn nuôi và trồng trọt.

**VĂN 9**

VĂN BẢN **BẾP LỬA**

I. Tìm hiểu chung.

1.Tác giả : Bằng Việt

 - Tên khai sinh: Nguyễn Việt Bằng

* Sinh năm 1941.
* Quê : Hà Tây (nay thuộc Hà Nội)
* Ông là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ.

 - Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà phù hợp với đề tài kỷ niệm tuổi thơ, mơ ước của tuổi trẻ.

**2*. Tác phẩm:***

 **- Bài thơ ra đời 1963,** khi tác

giả đang là sinh viên học ngành Luật ở Liên Xô.

-In trong tập *“ Hương cây – Bếp lửa”.*

*3. Bố cục*

- - P1 : 3 dòng đầu =>***H/ả bếp lửa khơi nguồn cảm xúc kỉ niệm về bà.***

 - P2 : Tiếp 🡪 “dai dẳng” **=>Những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà.**

 - P3 : Tiếp 🡪 “ bếp lửa” ***=>Suy ngẫm về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.***

 - P4: Còn lại => **Nỗi nhớ của người cháu về bà và bếp lửa.**

**II. Đọc hiểu văn bản**

**1.Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc kỉ niệm về bà.**

 ***a.*Hình ảnh bếp lửa:**

- Điệp ngữ *Một bếp lửa****:***

=> Hình ảnh gần gũi, thân thuộc ở làng quê.

***+ Từ láy: “Chờn vờn”*** Gợi bếp lửa bập bùng trong sương sớm

*“Ấp iu”* gợi lên sự khéo léo của đôi bàn tay bà khi nhóm bếp, chăm chút cho con cháu

b. Cảm xúc về bà

-Bộc lộ trực tiếp: “thương”

-Hình ảnh ẩn dụ: “***nắng mưa” -> Những gian nan, vất vả, lận đận trong cuộc đời bà.***

🡪 Từ hình ảnh bếp lửa, những kỉ niệm về bà trong những năm tháng tuổi thơ được gọi về.

**2. Những kỷ niệm tuổi thơ sống bên bà cháu trong hồi tưởng của tác giả**

**a. Kỉ niệm năm lên bốn**

* Tuổi thơ nhiều cay đắng, thiếu thốn

*“ Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói.*

 *Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi.*

 *Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy’*

+ Thành ngữ “Đói mòn đói mỏi”-> hình ảnh tả thực, miêu tả rõ nét nhất về nạn đói- một thời lịch sử đau thương của dân tộc.

+Hình ảnh “Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy” **tả thực cái hắt hiu, cái gầy gò của người bố và đồng thời gợi cả cái còm cõi của con ngựa ấy.**

-Kí ức tuổi thơ và tình cảm sâu đậm của bà trong cháu vẫn cứ nguyên vẹn

 *“Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

 *Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”*

+ “Khói hun nhèm mắt”: hình ảnh chân thực, mang đầy tình nghĩa sâu nặng

+ “sống mũi còn cay”: niềm xúc động của cháu khi nhớ về những năm tháng tuổi thơ bên bà.

***=>Tuổi thơ có nhiều gian khổ, thiếu thốn nhưng ấm áp vì có bà che chở.***

 ***Trong màn sương khói mò mịt của thời thời ấu, tác giả tiếp tục đắm mình trong nững hồi tưởng***

***b. Kỉ niệm tám năm kháng chiến***

*- Những kỉ niệm với bà:* Cùng bà nhóm lửa, nghe bà kể chuyện. Bà dạy cháu làm, chăm cháu học

- Điệp ngữ, liệt kê, dùng nhiều động từ.

*-* Lời thơ nhịp nhàng, đều đặn, +Tiếng chim tu hú gợi tình cảnh vắng vẻ, cô quạnh và nỗi nhớ cha mẹ

+ Cấu trúc song đôi “bà cháu”

**=> Bà yêu thương, đùm bọc che chở dạy dỗ và là chỗ dựa tinh thần cho cháu trong những năm bố mẹ đi kháng chiến.**

+ Câu thơ “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc” cũng cho thấy cháu đã hiểu được những khó khăn của bà và thương bà mình hơn.

**- Âm thanh tiếng chim tu hú:** Tiếng kêu giục giã khắc khoải, da diết, gợi hoài niệm nhớ mong khao khát.

- Điệp ngữ, nhân hoá -> Nhằm khắc sâu nỗi nhớ thương bà và quê hương khắc khoải đến quặn lòng của người cháu.

**c. Kỉ niệm năm giặc đốt làng**

- “Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”: hình ảnh tả thực tả thực ngọn lửa hung tàn tàn phá tất cả, làng xóm xơ xác, tiêu điều. -> Hai bà cháu cũng là nạn nhân của chiến tranh.

- Bà con hàng xóm *đỡ đần* -> Trong bom đạn chiến tranh ngời lên vẻ đẹp tình đoàn kết xóm làng.

+ “Vẫn vững lòng”-> Bà mạnh mẽ, kiên cường bất chấp mọi hoàn cảnh

+ Lời dặn của bà với cháu: vừa thể hiện tình yêu thương của bà vừa nói lên sự hi sinh, nhẫn nại của bà.

* Hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh, thương con quý cháu.

**d. Giữa tro tàn của mất mát đau thương, bà vẫn cần mẫn nhóm lửa:**

 **-**Thời gian: *sớm, chiều :* bền bỉ, không đứt gẫy

**-** *Bếp lửa* chuyển hóa thành *ngọn lửa* : Đó là ngọn lửa của tình yêu thương vô bờ bến, lửa của niềm tin bất diệt, lửa mà bà thắp lên trong tâm hồn cháu.

***3.Suy ngẫm về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.***

***a. Suy ngẫm về bà***

*- Từ láy “lận đận” + phép ẩn dụ “biết mấy nắng mưa”*

*-> Cuộc đời bà vất vả quanh năm nhưng bà vẫn chu đáo chăm lo cho con cháu.*

*-* Điệp từ “*nhóm”* -> Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp. Ngọn lửa mang ý nghĩa biểu tượng.

***b. Suy ngẫm về bếp lửa:***

***“Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa”***

*+ Kỳ lạ: Vì không gì có thể dập tắt được bếp lửa. Bếp lửa vẫn cháy lên trong mọi cảnh ngộ.*

*+ Thiêng liêng: Bếp lửa là tổ ấm, là cội nguồn gia đình, là cội nguồn quê hương đất nước.*

*+ Đảo ngữ kết hợp với từ cảm thán ->Sự ngỡ ngàng và ngạc nhiên của tác giả vì khám phá ra điều kì diệu giữa cuộc sống bình dị.*

*- Điệp từ: “trăm”+ phép liệt kê (tàu, nhà, ngả) → Khẳng định thế giới rộng lớn, với những điều mới mẻ.*

*- Câu hỏi tu từ: “Sáng mai này bà nhóm bếp lên chưa?”*

***→ Không thể nào quên được bếp lửa, quên được bà.***

 *=> Hình ảnh bếp, hình ảnh người bà đã trở thành kỉ niệm thiêng liêng làm ấm lòng và nâng đỡ cháu trên bước đường đời.*

**III. Tổng kết:**

**1.NT :**

 **-** Xây dựng hình ảnh thơ vừa cụ thể, gần gũi, vừa gợi nhiều liên tưởng, mang ý nghĩa biểu tượng.

**-** Viết theo thể thơ 8 chữ phù hợp với giọng điệu cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm.

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả, tự sự, nghị luận và biểu cảm.

**2.Ý nghĩa:**

 Từ những kỉ niệm tuổi thơ ấm áp tình bà cháu, nhà thơ cho ta hiểu thêm về những người bà, những người mẹ, về nhân dân nghĩa tình.

**LỊCH SỬ**

**BÀI 9 NHẬT BẢN**

1. **TÌNH HÌNH NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH**
2. **Tình hình chung:**

- Là nước bại trận, mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, khó khăn bao trùm đất nước: thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm và hàng hóa, lạm phát nặng nề. . .

- Bị quân đội Mĩ chiếm đóng

**2. Những cải cách dân chủ:**

**a. Nội dung:**

- Ban hành Hiến pháp mới (1946)

- Thực hiện cải cách ruộng đất

- Xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị tội phạm chiến tranh.

- Giải giáp các lực lượng vũ trang, giải thể các công ty độc quyền lớn

- Ban hành các quyền tự do dân chủ. . .

 **b.Ý nghĩa:**là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát

triển mạnh mẽ sau này.

II. **. NHẬT BẢN KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SAU CHIẾN TRANH**

**1. Điều kiện:** thuận lợi

**2. Thành tựu:**

- 1945- 1950 kinh tế được khôi phục

- 1950- 1970 phát triển “thần kì”, vượt qua Tây Âu, đứng thứ hai trong thế giới tư bản.

- Biểu hiện:

-> Trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới

**3. Nguyên nhân: SGK/38**

**4. Khó khăn:** đến đầu năm 1990, kinh tế suy thoái kéo dài, có năm tăng trưởng âm.

**III. CHÍNH SÁCH ĐỐI NỘI VÀ ĐỐI NGOẠI SAU CHIẾN TRANH**

HS tự đọc

BÀI TẬP TUẦN 11

EM HÃY GIỚI THIỆU VỀ ĐẤT NƯỚC NHẬT BẢN CHO BẠN BÈ BIẾT VỀ QUỐC GIA NÀY.

**GDCD**

**Chủ đề. Quan hệ với công việc**

**Bài 8. NĂNG ĐỘNG , SÁNG TẠO**

**Nội dung bài học**

**1.Khái niệm:**

- Năng động: Tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm.

Vd. Gặp bài khó em nỗ lực tìm ra cách giải

- Sáng tạo: Say mê nghiên cứu, để tạo ra những giá trị mới về vật chất, tinh thần hoặc tìm ra cái mới, cách giải quyết mới mà không bị gò bó phụ thuộc vào những cái đã có

Vd. Tìm ra phương pháp học mới có hiệu quả, chế tạo đồ dùng phục vụ sinh hoạt và học tập từ phế liệu .........

\* Bài tập. Tìm ca dao tục ngữ nói về năng động, sáng tạo

**THỂ DỤC**

**CHỦ ĐỀ: Nhảy xa.**

**Tiết PPCT 21:**

- Ôn:

+ Tập đo đà, chỉnh đà.

+ Chạy đà (tự do) nhảy xa.

**Tiết PPCT 22:**

- Học: Chạy đà chậm 3 – 5 bước đặt chân giậm đúng ván giậm nhảy.